TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 7 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị D , sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp Kinh Chuối, xã Q , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn C , sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp Kinh Chuối, xã Q, huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2024 trong qúa trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Bà D với ông C quen biết nhau và qua quá trình tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, không đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống bất đồng quan điểm, do thường cãi nhau, ông Chí có tính gia trưởng, khi uống rượu thường gây gổ vô cớ, hành hung và đánh bà nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên thân tộc hòa giải hàn gắn nhưng ông C không sửa đổi dẫn đến vợ chồng ly thân 03 năm nay. Nay, bà D nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C .

Về con chung: Lê Chí Đ , sinh ngày 13/9/2008. Khi ly hôn bà D yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Đ ; không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà D xác định không có.

- *Đối với bị đơn ông Lê Văn C :* Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông C theo quy định pháp luật, nhưng ông C không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Vào ngày 04/7/2024 bà D có đơn xin vắng mặt; ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng ông C vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông C .

[2] Về quan hệ hôn nhân. Bà D với ông C chung sống với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn và trong quá trình chung sống đến nay ông bà chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của ông bà không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà D yêu cầu ly hôn với ông C nguyên do, trong quá trình chung sống vợ chồng ông C khi uống rượu gây gổ vô cớ, hành hùng và đánh bà. Xét thấy, bà D với ông C chung sống với nhau trong thời gian dài, mặc dù đủ điều kiện kết hôn nhưng ông bà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà D với ông C là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi trẻ Lê Chí Đ , sinh ngày 13/9/2008. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *"...nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con..."*. Viện dẫn theo điều luật trên thấy rằng, tại văn bản trình bày nguyện vọng của trẻ Đ thể hiện, trẻ Đ có nguyện vọng ở với bà D nên giao trẻ Đ cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà D xác định không có.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định: "*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*". Do đó, bà D phải chịu án phí 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81; khoản 2 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử **:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị D với ông Lê Văn C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Lê Chí Đ , sinh ngày 13/9/2008 cho bà Trần Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Lê Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001294 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị D và ông Lê Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Giang Nam